

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	31/03/2014	01/01/2014
A. Tài sản ngắn hạn	100		204.500.103.233	51.942.723.787
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		140.627.881.177	770.656.954
1. Tiền	111	V.1	140.627.881.177	770.656.954
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.210.768.486	44.379.614.637
1. Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	270.645.760	1.064.926.309
2. Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	51.156.387.468	38.968.324.622
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	7.600.138.421	7.162.766.869
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.816.403.163)	(2.816.403.163)
IV. Hàng tồn kho	140		6.251.234.567	5.507.320.578
1. Hàng tồn kho	141	V.3	6.251.234.567	5.507.320.578
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.410.219.003	1.285.131.618
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		309.673.566	134.365.717
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	20.499.636
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	1.100.545.437	1.130.266.265
B. Tài sản dài hạn	200		696.790.966.723	691.910.118.111
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.4	-	-
II. Tài sản cố định	220		611.930.672.364	606.316.464.005
1. TSCĐ hữu hình	221	V.6	104.446.385.164	107.097.265.594
- Nguyên giá	222		153.742.016.157	153.742.016.157
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.295.630.993)	(46.644.750.563)
3. TSCĐ vô hình	227	V.5	336.213.887	364.100.003
- Nguyên giá	228		597.722.270	597.722.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(261.508.383)	(233.622.267)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	507.148.073.313	498.855.098.408
III. Bất động sản đầu tư	240	V.8	35.317.799.346	35.317.799.346
- Nguyên giá	241		35.317.799.346	35.317.799.346
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	4.308.377.362	4.308.377.362
1. Đầu tư vào Công ty con	251		200.000.000	200.000.000
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		4.800.000.000	4.800.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(691.622.638)	(691.622.638)
V. Tài sản dài hạn khác	260		45.234.117.651	45.967.477.398
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	45.234.117.651	45.967.477.398
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		901.291.069.956	743.852.841.898

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	31/03/2014	01/01/2014
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		264.718.232.923	107.105.377.011
I. Nợ ngắn hạn	310		179.355.359.500	21.048.727.317
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	2.580.669.870	3.180.669.870
2. Phải trả người bán	312	VII.2.4	2.917.553.962	2.548.939.310
3. Người mua trả tiền trước	313	VII.2.5	808.032.601	318.153.051
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	2.011.131.850	1.811.273.030
5. Phải trả người lao động	315		1.573.271.038	3.677.716.432
6. Chi phí phải trả	316	V.13	-	84.680.000
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	169.464.700.179	9.427.295.624
II. Nợ dài hạn	330		85.362.873.423	86.056.649.694
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	VII.2.6	85.362.873.423	86.056.649.694
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		636.572.837.033	636.747.464.887
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	636.572.837.033	636.747.464.887
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		691.236.000.000	691.236.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(54.663.162.967)	(54.488.535.113)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		901.291.069.956	743.852.841.898

Ninh Bình, ngày 10 tháng 04 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Người lập



Trịnh Văn Việt

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy

Phó Tổng giám đốc



Đào Phong Trúc Đại

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/03/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
USD		118.444,80	-
EUR		203,64	4.473,56
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ninh Bình, ngày 10 tháng 04 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Trịnh Văn Việt

Nguyễn Quang Huy

Đào Phong Trúc Đại

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý I năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Quý I/2014	Quý I/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	10.892.181.246	7.041.954.282
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		10.892.181.246	7.041.954.282
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	7.695.771.834	9.901.682.912
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.196.409.412	(2.859.728.630)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	80.085.432	144.454.247
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	69.407.975	245.999.725
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		69.407.975	245.999.725
8. Chi phí bán hàng	24	VIII.2.7	808.838.051	738.167.872
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.8	2.572.998.545	2.546.042.732
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(174.749.727)	(6.245.484.712)
11. Thu nhập khác	31	VIII.2.9	232.113	13.204.078
12. Chi phí khác	32	VIII.2.10	110.245	300
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		121.868	13.203.778
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(174.627.859)	(6.232.280.934)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.20	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(174.627.859)	(6.232.280.934)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.22	(3)	(204)

Ninh Bình, ngày 10 tháng 04 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Người lập



Trịnh Văn Việt

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy

Tổng Giám đốc



Đào Phong Trúc Đại

Mẫu số B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Quý I/2014	Năm 2013
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(174.627.859)	(15.286.236.520)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
	- Khấu hao TSCĐ	02		2.678.766.546	10.539.144.068
	- Các khoản dự phòng	03		0	1.240.983.204
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(80.085.432)	(987.177.336)
	- Chi phí lãi vay	06			1.017.444.754
3.	Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.424.053.255	(3.475.841.830)
	- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(11.780.933.385)	5.371.757.473
	- Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(743.913.989)	1.302.814.878
	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		158.212.855.912	(5.566.348.566)
	- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		558.051.903	1.371.522.350
	- Tiền lãi vay đã trả	13			(5.387.612.866)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		148.670.113.696	(6.383.708.561)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(8.292.974.905)	(18.454.478.689)
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		80.085.432	29.440.490
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.212.889.473)	(18.425.038.199)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			21.195.000.000
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33			14.663.121.365
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(600.000.000)	(40.540.560.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(600.000.000)	(4.682.438.635)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		139.857.224.223	(29.491.185.395)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.01	770.656.954	30.261.842.349
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.01	140.627.881.177	770.656.954

Ninh Bình, ngày 10 tháng 04 năm 2014

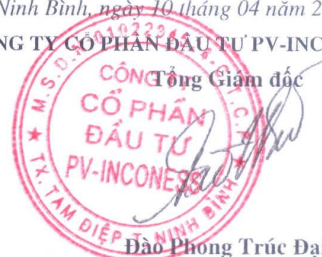
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Người lập

Kế toán trưởng

Trịnh Văn Việt

Nguyễn Quang Huy



Đào Phong Trúc Đại

22
ĐNK
P
AU
INC
EP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý I năm 2014***(tiếp theo)***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên viết tắt là PV-INCONESS., CORP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102294528, chứng nhận lần đầu ngày 15/06/2007, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 26/12/2013 thì Vốn Điều lệ của Công ty là **691.236.000.000 VND** (Sáu trăm chín mươi một tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu đồng chẵn./.)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh các dịch vụ sân Golf

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động của các cơ sở thể thao, chi tiết:
 - + Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời;
 - + Sân Golf; Dịch vụ sân golf đạt tiêu chuẩn quốc tế;
- Xây dựng các công trình công ích;
- Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác dầu thô; Khai thác khí đốt tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết:
 - + Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
 - + Xây dựng các công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ thực phẩm);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Khai thác quặng sắt;
- Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ uống, chi tiết:
 - + Bán buôn đồ uống có cồn;
 - + Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết:
 - + Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô;
 - + Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
 - + Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

(tiếp theo)

- + Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng;
 - + Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;
 - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
 - Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết:
 - + Khách sạn;
 - + Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
 - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội nghị, đám cưới,...);
 - Cho thuê xe có động cơ; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
 - Điều hành tua du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
 - Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, chi tiết: Tổ chức, xúc tiến và quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức (hội nghị, hội thảo);
 - Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
 - Hoạt động tư vấn quản lý, chi tiết: Tư vấn quản lý, quản lý doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); Quảng cáo;
 - Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm, chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn và cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- (Đối với các ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp cho kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng tiền Việt Nam ("VND"). Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các quy định của Luật kế toán Việt Nam số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

(tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính và sử dụng phần mềm kế toán MISA.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Riêng tài sản cố định tăng từ đầu tư xây dựng cơ bản là Sân Golf 18 lỗ hồ Yên Thắng thuộc Dự án sân Golf 54 lỗ hồ Yên Thắng được tạm ghi nhận trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

(tiếp theo)

việc xây dựng tài sản cố định đó và chưa bao gồm các khoản chi phí chung (chi phí công cụ dụng cụ, giải phóng mặt bằng, chi phí tư vấn, chi phí tiền lương và chi phí lãi vay).

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 30
- Máy móc thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	05 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- TSCĐ hữu hình khác	05 - 08

3.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Phần mềm máy tính	03 - 10

4. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích bất động sản đầu tư***Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng hai lô đất xây dựng chung cư D1 và D3 thuộc dự án Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư vì chưa có ý định thanh lý trong tương lai gần.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Do quyền sử dụng đất không có thời hạn, theo đó Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư này theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết và khoản đầu tư dài hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Kinh doanh Thương mại Khánh Dương được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đồng Thái được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

(tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu và chứng từ ngân hàng.

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm là chi phí công cụ dụng cụ, lợi thế thương mại và chi phí hoa hồng bán thẻ.

Chi phí công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ từ 12 - 24 tháng.

Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Chi phí hoa hồng bán thẻ Golf được phân bổ theo thời hạn của thẻ.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của các thành viên.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lỗ lũy kế từ hoạt động của doanh nghiệp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ: Thẻ, phí chơi golf, cho thuê xe tại sân, dịch vụ caddy, ăn uống, doanh thu bán hàng hóa trong sân golf và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ sân golf được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Doanh thu bán hàng hóa được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu được và sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu từ hoạt động bán thẻ Golf có thời hạn 35, thẻ Golf có thời hạn 2 năm được khách hàng trả trước cho nhiều kỳ kế toán.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

11.1. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng, hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

(tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11.2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) còn chưa hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp. Giá trị của các công trình xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình xây dựng nên chưa được quyết toán. Giá trị này có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả quyết toán giá trị công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

11.3. Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn.

11.4. Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế tiêu thụ đặc biệt theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất 20% đối với dịch vụ chơi Golf.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

11.5. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận căn cứ vào số lượng và giá trị hàng bán ra trong kỳ và phù hợp với doanh thu đã ghi nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền**

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	972.345.805	192.673.419
Tiền gửi ngân hàng	139.638.416.122	552.677.285
Tiền gửi ngân hàng VND	137.128.282.696	422.715.893
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương	2.195.731	2.189.328
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ninh Bình	6.647.436.541	56.973.713
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ninh Bình	478.650.424	266.485.301
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ninh Bình	130.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		97.067.551
Tiền gửi ngân hàng USD	2.501.554.176	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ninh Bình	2.501.554.176	-
Tiền gửi ngân hàng EUR	8.579.250	129.961.392
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ninh Bình	8.579.250	129.961.392
Tiền đang chuyển	17.119.250	25.306.250
Tiền đang chuyển VND	17.119.250	25.306.250
Tổng cộng	140.627.881.177	770.656.954

2. Các khoản phải thu khác

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vũ Thị Chuyện (i)	3.870.135.000	3.870.135.000
Dương Mạnh Hải (ii)	2.757.779.500	2.757.779.500
Nguyễn Minh Đức	23.949.400	23.949.400
Phạm Hồng Chiến	17.879.299	17.879.299
Đội xây dựng thi công nhà C	62.499.818	
Đội xây dựng thi công tuyến đường nội bộ	316.407.176	
Đội xe thuê ngoài	33.432.277	
Trung tâm chế tác, bảo vệ rừng	20.000.000	
Công ty TNHH Phát triển Vật nuôi và Cây trồng Đồng Thái	364.240.210	364.240.210
Bảo hiểm xã hội	12.234.961	8.291.960
Công ty TNHH Một thành viên Gold đất mẹ	27.514.700	27.514.700
Các đối tượng khác	94.066.080	92.976.800
<i>Ban quản lý dự án thủy lợi Tỉnh Ninh Bình</i>	<i>42.368.000</i>	<i>42.368.000</i>
<i>Văn phòng luật sư Thái Dương</i>	<i>41.040.000</i>	<i>41.040.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư JAMAHA</i>	<i>4.500.000</i>	<i>4.500.000</i>
<i>Nguyễn Hòa Khác</i>	<i>6.158.080</i>	<i>5.068.800</i>
Tổng cộng	7.600.138.421	7.162.766.869

(i) Phải thu Bà Vũ Thị Chuyện là khoản phải thu về việc chuyển nhượng 430.150 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess tại Công ty Cổ phần Du lịch quốc tế Đồng Thái cho Bà Vũ Thị Chuyện theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 28/12/2010, thời hạn thanh toán là 36 tháng. Tuy nhiên đến nay đã quá hạn nhưng bà Vũ Thị Chuyện vẫn chưa thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý I năm 2014***(tiếp theo)*

(ii) Phải thu khác của ông Dương Mạnh Hải nguyên là chủ tịch hội đồng quản trị của công ty là khoản tiền tạm ứng cho Ông Hải để phục vụ kinh doanh, tuy nhiên từ khi nghỉ đến nay ông Dương Mạnh Hải vẫn chưa hoàn ứng lại cho công ty

3. Hàng tồn kho

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.471.008.688	4.369.636.318
Công cụ, dụng cụ	333.717.927	1.137.684.260
Hàng hóa	446.507.952	
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	6.251.234.567	5.507.320.578

4. Các khoản phải thu dài hạn khác**5. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
- Số dư ngày 01/01/2014	597.722.270	597.722.270
- Giảm khác	-	-
- Số dư ngày 31/03/2014	597.722.270	597.722.270
Giá trị hao mòn lũy kế		
- Số dư ngày 01/01/2014	233.622.267	233.622.267
- Khấu hao trong kỳ	27.886.116	27.886.116
- Giảm khác	-	-
- Số dư ngày 31/03/2014	261.508.383	261.508.383
Giá trị còn lại		
- Tại ngày 01/01/2014	364.100.003	364.100.003
- Tại ngày 31/03/2014	336.213.887	336.213.887

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Địa chỉ: Thôn 4B, xã Đông Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

Tel: (84-3) 03 776 460

Fax: (84-3) 03 773 645

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2014

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
- Số dư ngày 01/01/2014	99.648.185.878	33.189.430.858	19.570.959.469	659.927.442	673.512.510	153.742.016.157
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/03/2014	99.648.185.878	33.189.430.858	19.570.959.469	659.927.442	673.512.510	153.742.016.157
Giá trị hao mòn lũy kế						
- Số dư ngày 01/01/2014	21.011.563.138	16.050.443.430	8.657.445.160	580.801.360	344.497.475	46.644.750.563
- Khấu hao trong kỳ	1.333.079.148	815.061.057	457.462.065	16.663.107	28.615.053	2.650.880.430
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/03/2014	22.344.642.286	16.865.504.487	9.114.907.225	597.464.467	373.112.528	49.295.630.993
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2014	78.636.622.740	17.138.987.428	10.913.514.309	79.126.082	329.015.035	107.097.265.594
- Tại ngày 31/03/2014	77.303.543.592	16.323.926.371	10.456.052.244	62.462.975	300.399.982	104.446.385.164

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.445.172.970 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

(tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2014 VND	01/01/2014 VND
Dự án Sân Golf hồ Yên Thắng	374.215.817.590	368.014.984.435
Khu biệt thự 12 ha	48.122.046.949	48.122.046.949
Nhà câu lạc bộ	328.327.338	
Dự án Sân Golf hồ Yên Thắng (giai đoạn 2)	41.108.228.949	40.892.588.309
Dự án Khu du lịch sinh thái hồ Đồng Thái	37.590.843.287	37.590.843.287
Tuyến đường nội bộ sân Hoàng Hậu	60.665.784	
Chi phí quản lý dự án	946.981.154	
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	349.287.743	
Công trình Trụ sở Nhà C	4.425.874.519	4.234.635.428
Tổng cộng	507.148.073.313	498.855.098.408

8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				31/03/2014
Nguyên giá	35.317.799.346	-	-	35.317.799.346
Quyền sử dụng đất (i)	35.317.799.346	-	-	35.317.799.346
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	35.317.799.346	-	-	35.317.799.346
Quyền sử dụng đất	35.317.799.346	-	-	35.317.799.346

(i) Giá trị quyền sử dụng hai lô đất xây chung cư D1 và D3 Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh B, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (tổng diện tích là 14.015 m²)

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2014		01/01/2014	
	Tỷ lệ phần trăm (%) biểu quyết	Giá trị VND	Tỷ lệ phần trăm (%) biểu quyết	Giá trị VND
a - Đầu tư vào Công ty con		200.000.000		200.000.000
Công ty TNHH XNK&KDTM Khánh Dương	100,00%	200.000.000	100,00%	200.000.000
b - Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		4.800.000.000		4.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đồng Thái	48,00%	4.800.000.000	48,00%	4.800.000.000
c - Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		691.622.638		691.622.638
Công ty TNHH XNK&KDTM Khánh Dương		200.000.000		200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đồng Thái		491.622.638		491.622.638

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

(tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lợi thế thương mại (i)	37.156.250.001	37.583.333.334
Chi phí trả trước dài hạn khác (ii)	7.092.114.385	7.149.789.454
Công cụ dụng cụ	985.753.265	1.234.354.610
Tổng cộng	45.234.117.651	45.967.477.398

(i) Lợi thế thương mại phát sinh khi Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp và Tư vấn Đầu tư (Inconess) góp vốn vào Công ty theo Nghị quyết số 01 ngày 28/01/2008 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS. Lợi thế thương mại sẽ được phân bổ kể từ ngày Công ty đưa công trình "Trung tâm liên hợp du lịch và thể thao sân Golf 54 lỗ hồ Yên Thắng - Ninh Bình" chính thức đi vào hoạt động.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác là các khoản chi phí hoa hồng bán thẻ, phục vụ khai trương, tiếp khách sân Golf.

11. Vay và nợ ngắn hạn

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng và các tổ chức kinh tế	2.580.669.870	3.080.669.870
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ninh Bình (a)	2.580.669.870	2.580.669.870
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Đồng Thái (b)	-	500.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân	-	100.000.000
Dương Thị Bạch Tuyết (c)	-	100.000.000
Tổng cộng	2.580.669.870	3.180.669.870

(a) Vay ngắn hạn NHTMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình theo Hợp đồng tín dụng số 13-59-02/2013-HĐTD/NHCT400-PVIN ngày 23/12/2013. Khoản tiền vay 2.580.669.870 VND. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 01 lần/tháng. Thời hạn cho vay các khoản nợ là 12 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng: thanh toán tiền thi công một số hạng mục sân Golf Hoàng Gia

(b) Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương Mại Đồng Thái theo Công văn số 124/2013/CV-PVIN ngày 17/12/2013 và Hợp đồng vay tiền số 49/13/HĐVT ngày 24/12/2013 thì tổng số tiền vay là 500.000.000 VND. Thời hạn vay: từ ngày 24/12/2013 đến ngày 20/01/2014, không tính lãi suất tiền vay. Mục đích vay trả tiền nhà thầu giai đoạn 1.

(c) Vay ngắn hạn Bà Dương Thị Bạch Tuyết theo Hợp đồng vay ngắn hạn ngày 16/8/2012. Tổng tiền vay là 02 tỷ đồng, thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày 16/8/2012 đến 16/6/2013. Lãi suất 2%/tháng tương đương 24%/năm, thanh toán theo kỳ 30 ngày bắt đầu từ ngày 16/10/2012 với số tiền gốc 200 triệu đồng và lãi trên dư nợ gốc thực tế.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/03/2014
Thuế GTGT	609.516.177	138.260.297	636.908.869	110.867.605
Thuế TTĐB	1.026.046.350	1.767.991.470	1.088.040.501	1.705.997.319
Thuế thu nhập cá nhân	175.710.503	18.556.423	-	194.266.926
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.811.273.030	1.928.808.190	1.728.949.370	2.011.131.850

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

(tiếp theo)

13. Chi phí phải trả

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	84.680.000
Lãi vay phải trả cá nhân	-	84.680.000
Tổng cộng	-	84.680.000

14. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	256.072.614	256.072.614
Kinh phí công đoàn	32.908.284	21.618.010
Bảo hiểm xã hội	23.630.968	-
Phải trả phải nộp khác	169.152.088.313	9.148.800.000
<i>Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>160.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Haprap</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
<i>Trịnh Thị Oanh (a)</i>	<i>3.248.800.000</i>	<i>3.248.800.000</i>
<i>Trịnh Văn Thủy (b)</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>
<i>Đỗ Trọng Hưng (c)</i>	<i>3.900.000.000</i>	<i>3.900.000.000</i>
<i>Nguyễn Duy Giáp</i>	<i>2.483.313</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thái</i>	<i>805.000</i>	<i>805.000</i>
Tổng cộng	169.464.700.179	9.426.490.624

(a) Vay ngắn hạn Bà Trịnh Thị Oanh theo Hợp đồng vay ngắn hạn số 110303/PVIN-VNH ngày 03/03/2011 và phụ lục hợp đồng vay ngắn hạn ngày 01/04/2011. Tổng tiền vay là 3,456 tỷ đồng. Thời hạn vay 02 năm kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay nhưng đến thời điểm báo cáo chưa gia hạn. Khoản vay không chịu lãi.

(b) Vay ngắn hạn Ông Trịnh Văn Thủy theo Hợp đồng vay ngắn hạn số 110301/PVIN-VNH ngày 03/03/2011 và phụ lục hợp đồng vay ngắn hạn ngày 01/04/2013. Tổng tiền vay là 1,5 tỷ đồng 03/03/2011 và phụ lục hợp đồng vay ngắn hạn ngày 01/04/2011. Tổng tiền vay là 1,5 tỷ đồng. Thời hạn vay 02 năm kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay, nhưng đến thời điểm báo cáo chưa gia hạn. Khoản vay không chịu lãi.

(c) Là khoản vay theo biên bản cho vay ngày 26/02/2010, tổng tiền vay là 3,9 tỷ, khoản vay này không chịu lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Địa chỉ: Thôn 4B, xã Đông Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

Tel: (84-3) 03 776 460

Fax: (84-3) 03 773 645

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2014

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

(tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2013	305.041.000.000	-	-	(39.202.298.593)	265.838.701.407	
Tăng vốn trong năm	386.195.000.000	-	-	-	386.195.000.000	
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	
Tăng khác	-	-	17.937.622	-	17.937.622	
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	
Lỗ trong năm	-	-	-	(15.286.236.520)	(15.286.236.520)	
Giảm khác	-	-	(17.937.622)	-	(17.937.622)	
Số dư ngày 31/12/2013	691.236.000.000	-	-	(54.488.535.113)	636.747.464.887	
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	
Tăng khác	-	-	-	-	-	
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(174.627.854)	(174.627.854)	
Giảm khác	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/03/2014	691.236.000.000	-	-	(54.663.162.967)	636.572.837.033	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý I năm 2014***(tiếp theo)***15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	5.001.490.000	5.001.490.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	3.753.500.000	3.753.500.000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Viettinbank	630.424.430.000	630.424.430.000
Công đoàn Vietinbank	23.320.080.000	23.320.080.000
Các cổ đông khác	28.736.500.000	28.736.500.000
Tổng cộng	691.236.000.000	691.236.000.000

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý I/2014	Quý I/2013
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	691.236.000.000	305.041.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	386.195.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	691.236.000.000	691.236.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

15.4 Cổ phiếu

	Quý I/2014	Quý I/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	69.123.600	30.504.100
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	69.123.600	30.504.100
<i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	<i>69.123.600</i>	<i>30.504.100</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	69.123.600	30.504.100
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>69.123.600</i>	<i>30.504.100</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý I/2014	Quý I/2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	128.522.146	1.100.370.166
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.763.659.100	5.941.584.116
Tổng cộng	10.892.181.246	7.041.954.282

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý I năm 2014***(tiếp theo)***17. Giá vốn hàng bán**

	Quý I/2014	Quý I/2013
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	89.642.128	1.547.229.083
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.606.129.706	8.354.453.829
Tổng cộng	7.695.771.834	9.901.682.912

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I/2014	Quý I/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	80.085.432	144.454.247
Tổng cộng	80.085.432	144.454.247

19. Chi phí tài chính

	Quý I/2014	Quý I/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	69.407.975	245.999.725
Tổng cộng	69.407.975	245.999.725

20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý I/2014	Quý I/2013
	VND	VND
Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp	10.972.498.791	7.199.612.607
Chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	11.147.126.650	13.431.893.541
Chi phí thực tế phát sinh	11.147.126.650	13.431.893.541
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý I/2014	Quý I/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu	2.369.766.202	2.598.686.697
Chi phí nhân công	4.836.989.843	6.512.028.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.223.857.079	2.657.728.513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	710.204.182	480.674.799
Chi phí bằng tiền khác	880.409.250	936.775.354
Tổng cộng	11.021.226.556	13.185.893.516

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Quý I/2014	Quý I/2013
------------	------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

(tiếp theo)

	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(174.627.859)	(6.232.280.934)
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(174.627.859)	(6.232.280.934)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	69.123.600	30.504.100
Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(3)	(204)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**VIII. Những thông tin khác****1. Thông tin về các bên liên quan****2. Những thông tin khác****2.1 Phải thu của khách hàng**

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		234.173.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Trung Tâm thẻ		704.000.000
Công ty TNHH MTV điện lực Ninh Bình	18.287.000	
Công ty TNHH TM-DV-ĐT công đoàn Vietinbank	211.693.000	
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát VISSAI	22.672.760	59.410.089
Khu liên hợp thể thao FLC GolfNet 1	3.042.000	
Nguyễn Đức Quang	10.080.000	10.080.000
Các đối tượng khác	4.871.000	57.263.220
<i>Hoàng Mạnh Hùng</i>	<i>210.000</i>	<i>183.000</i>
<i>Dương Minh Hạnh</i>	<i>1.720.000</i>	
CÔNG TY CP KHÁCH SẠN LAM KINH	2.941.000	2.941.000
<i>Tổng công ty phân bón và hóa chất dầu khí - CTCP</i>		<i>5.942.000</i>
<i>Khách lẻ thu tiền ngay</i>		<i>48.197.220</i>
Tổng cộng	270.645.760	1.064.926.309

2.2 Trả trước cho người bán

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tông Công ty cô phân xuất nhập khâu & XD Việt Nam	18.671.389.340	
Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng & Thương mại VN	17.051.296.160	17.051.296.160
Công ty CP xây dựng Thương mại Việt Nam	6.419.600.000	6.419.600.000
Công ty CP hợp tác sân golf Quốc tế	6.129.383.422	6.129.383.422
Công ty Cổ phần công trình 207	163.213.000	4.360.213.000
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và XNK Cảnh Viên Constrexim		1.650.600.000
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Đồng Thái	21.630.390	810.716.390

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

(tiếp theo)

Công ty TNHH Kinh Doanh Mỹ Việt	720.879.800	720.879.800
Công ty TNHH Huy Hoàng	270.367.407	270.367.407
Viện quy hoạch xây dựng Ninh Bình	47.500.000	
Trung tâm tư vấn thiết kế và xây dựng	50.000.000	
Công ty cổ phần đầu tư thương mại Thiên Việt	77.106.260	
VP tư vấn và chuyển giao công nghệ XD trường ĐH kiến trúc Hà Nội	249.999.800	249.999.800
Công ty Jebsen & Jebsen Technology(S) Pte Ltd	160.189.568	160.189.568
Trung tâm nghiên cứu địa kỹ thuật	160.000.000	160.000.000
CN Công ty CP dịch vụ đường sắt khu vực 1 tại Hà Nội	135.833.703	135.833.703
Công ty TNHH Công nghệ Lạc Hồng		132.496.650
Công ty CP phát triển kiến trúc và xây dựng KINESIS		100.000.000
Doanh nghiệp Tư nhân Hoàng Tuấn Huyền	98.000.000	98.000.000
Công ty cổ phần xây dựng và TM Long Đạt	30.000.000	
Công ty TNHH đầu tư công nghệ và máy xây dựng Khánh An	24.000.000	
Công ty TNHH MTV điện lực Ninh Bình		90.494.910
Trung tâm Quan Trắc và ứng dụng phát triển công nghệ môi trường	81.711.000	81.711.000
Công ty CP tư vấn thí nghiệm kiểm định & XD Việt Nam	50.000.000	
Công ty TNHH Việt Thái	180.000.000	
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính	70.000.000	70.000.000
Công ty Cổ phần tư vấn kỹ thuật xây dựng Tây Hồ	56.000.000	56.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	50.000.000	50.000.000
Các đối tượng khác	188.287.618	170.542.812
Công ty TNHH nội thất Tuấn Anh	47.792.250	47.792.250
Công ty TNHH Lan	28.644.000	28.644.000
Công ty TNHH tư vấn thiết kế Gia Vinh	25.000.000	25.000.000
Công ty Cổ phần kiến trúc và thương mại V-SCALE	14.184.000	14.184.000
Trung tâm tái chế phế thải và xử lý chất thải		12.000.000
Công ty cổ phần thiết bị Á Âu	9.790.000	
Công ty TNHH thương mại Hùng Trường	6.454.800	
HTX vận tải Tân Bình	15.000.000	
Công ty NORTHERN SYSTEMS INC	11.491.968	11.491.968
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Toàn	10.680.600	10.680.594
Công ty cổ phần cung ứng vật tư Hà Nội	8.250.000	8.250.000
Tổng công ty xăng dầu quân đội-TCHC (Cơ sở sản xuất: xí nghiệp)	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH VT-TB và dịch vụ Đồng Tiến	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Ngọc Anh		1.500.000
Trung tâm viễn thông Tam Điệp	1.000.000	1.000.000
Tổng cộng	51.156.387.468	38.968.324.622

2.3 Tài sản ngắn hạn khác

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	508.007.919	537.728.747

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý I năm 2014***(tiếp theo)*

Vũ Thị Kim	155.537.900	145.010.000
Vũ Văn Hợp	24.250.000	37.650.000
Trịnh Thị Vân	50.000	34.000.000
Đình Văn Từ	23.400.000	25.400.000
Phan Văn Hiệu	23.962.999	25.000.000
Lê Xuân Núi	33.699.800	-
Đình Thị Nga	16.774.706	22.816.000
Phùng Văn Dương	15.481.101	21.867.000
Đình Văn Tiến	1.499.999	12.199.999
Bùi Văn Minh		12.000.000
Phùng Sỹ Hiệp	8.455.280	10.903.680
Bùi Huỳnh Tiến	3.031.000	
Đội xây dựng Công ty	60.000.000	
Phạm Văn Mừng	6.000.000	10.500.000
Nguyễn Đình Thảo	14.000.000	10.000.000
Nguyễn Quang Thành		10.000.000
Các đối tượng khác	121.865.134	160.382.068
Nguyễn Hoà Khác	13.013.034	34.793.143
<i>Nguyễn Văn Trọng</i>		8.000.000
<i>Nguyễn Đình Thảo</i>		8.000.000
<i>Phùng Văn Mạnh</i>		7.000.000
<i>Trần Xuân Quyền</i>	1.500.000	6.000.000
<i>Nguyễn Hoà Khác</i>		5.730.692
<i>Nguyễn Thị Vân</i>		5.500.000
<i>Đào Kim Chi</i>	20.320.000	5.500.000
<i>Phan Thị Liên</i>		5.000.000
<i>Trịnh Thị Gấm</i>	5.000.000	5.000.000
<i>Đàm Minh Đức</i>		5.000.000
<i>Hà Minh Tuấn</i>	23.500.000	4.500.000
<i>Phạm Văn Kiên</i>		4.000.000
<i>Nguyễn Thị Hương</i>		4.000.000
<i>Nguyễn Văn Tân</i>		4.000.000
<i>Phan Văn Hiệu</i>		4.000.000
<i>Phạm Văn Mừng</i>		4.000.000
<i>Đình Thị Thanh Thanh</i>		3.500.000
<i>Nguyễn Anh Tuấn</i>		3.000.000
<i>Nguyễn Bình An</i>		3.000.000
<i>Nguyễn Văn Tân</i>	27.000.000	3.000.000
<i>Hoàng Ngọc Luật</i>		3.000.000
<i>Đỗ Thị Thu Thùy</i>		3.000.000
<i>Trần Đức Toàn</i>		2.500.000
<i>Mai Văn Cấp</i>		2.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

(tiếp theo)

Phạm Thị Thúy		2.500.000
Tô Thị Thuận		2.500.000
Nguyễn Duy Giáp		2.340.000
Bùi Mạnh Hiếu	2.180.000	2.180.000
Đỗ Văn Tình	2.000.099	2.000.099
Bùi Đức Tuế		2.000.000
Đào Xuân Tôn		2.000.000
Lê Thị Hương		2.000.000
Nguyễn Thị Nguyệt	2.000.000	2.000.000
Nguyễn Thanh Hồng	5.000.000	
Phạm Thị Thu		2.000.000
Lương Thị Dung		2.000.000
Phạm Thùy Linh		2.000.000
Ngô Thị Phượng		2.000.000
Tống Thị Kim Cương		2.000.000
Phạm Thị Hương Lý		2.000.000
Nguyễn Duy Giáp (big C, đồ uống)		1.858.764
Nguyễn Thị Cúc		1.500.000
Vũ Thị Nhung Caddie số 88		1.500.000
Trương Văn Bình caddie số 36		1.500.000
Lương Quang Long	3.000.000	
Đỗ Mạnh Hoà	17.352.001	(1.302.000)
Nguyễn Duy Giáp (khác)	-	(19.718.630)
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	300.000.000	300.000.000
Đặt cọc mua hàng	300.000.000	300.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	292.537.518	184.700.506
Tổng cộng	1.100.545.437	1.022.429.253

2.4 Phải trả người bán

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Tư vấn xây dựng đô thị khu Công nghiệp cao su Việt Nam	942.335.972	942.335.972
Công ty TNHH Găng Tay Sun Myung	393.013.520	393.013.520
Công Ty May TNHH GARNET Nam Định	365.025.300	365.025.300
Công ty TNHH Tân Thanh Sơn		86.185.000
Công ty TNHH Một thành viên Huyện Đức	45.361.548	85.361.548
Cửa hàng Đình Thị Dung		82.579.980
Công ty TNHH Nhật Minh Thành	57.200.000	57.200.000
Công ty CP xuất nhập khẩu Đại Đoàn Kết		54.798.000
Công ty cổ phần sao mai TMC	51.590.700	51.590.700
Cửa Hàng Gia Vị Tâm An	12.517.500	49.142.100
Cửa hàng Bùi Thị Lộc	-	46.268.700

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý I năm 2014***(tiếp theo)*

Cửa hàng hoa quả tươi Toàn Hòa	17.864.400	
Công ty IBD	6.950.000	
Công ty TNHH TM & DV Hải Anh	4.314.131	
Cửa hàng rau củ quả tươi Tâm Rau	27.091.800	
Cửa hàng Chí Tú	51.572.000	
Công ty TNHH MTV TM&DV Anh Dũng	38.820.636	
Công ty TNHH APAVE Châu Á - Thái Bình Dương	350.000.000	
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và XNK Cảnh Viên Constrexim	184.230.471	
Công ty TNHH công nghệ Lạc Hồng	6.159.991	
Công ty TNHH WITGANG Việt Nam	17.073.000	
Công ty TNHH cơ khí M&T	23.925.000	
TT Quan trắc và phân tích Môi trường		42.337.000
Doanh Nghiệp Tư Nhân Đức Nguyễn		37.615.437
Các đối tượng khác	322.507.993	255.486.053
CN Công ty TNHH gas Petrolimex Hải Phòng tại Ninh Bình	33.711.620	27.412.041
Công ty cổ phần thực phẩm 3B	5.595.740	23.858.040
Cửa hàng Chinh Phụng	495.000	
Công ty cổ phần quốc tế Đại Long	21.290.500	21.290.500
Cửa Hàng Hoạt Lai (Bì Thị Hoạt)	55.703.000	20.219.000
Nhà cung cấp lẻ	51.393.000	
CT CP tư vấn đầu tư xây dựng Ngọc Minh	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Minh Thịnh	18.628.000	18.628.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Quà Việt	3.406.700	16.013.200
Cửa hàng Dung Giang	14.980.600	14.980.600
Công ty cổ phần xi măng Hướng Dương	14.290.707	14.290.707
Công ty TNHH Tư Vấn Xây dựng Tuấn Anh	13.115.000	13.115.000
Công ty Cổ phần PCCC và dịch vụ Thương mại Thái An	9.513.000	9.513.000
Công ty TNHH thiết bị phòng cháy chữa cháy Việt Mỹ	6.532.050	6.532.050
Doanh nghiệp tư nhân Chính Gấm	3.954.359	4.785.983
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển đại sơn	4.742.065	4.742.065
Doanh Nghiệp Tư Nhân Nam Phương	4.696.365	4.696.365
Công ty dịch vụ thương mại Xuân Sơn	4.614.512	4.614.512
Công ty TNHH SX- Thương mại- XNK An Phú Thái	4.611.200	4.611.200
Công ty TNHH VSC Việt Nam	4.540.914	4.540.914
Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Thành	4.537.387	4.537.387
Công ty TNHH Hải Nam	3.804.100	3.804.100
CH Vân Vân gia vị đặc biệt	3.493.421	3.493.421
Công ty TNHH XD&TM Nhật Linh	572.740	
Công ty TNHH MTV Hà Ninh	4.347.273	
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hồng Hà	3.239.164	3.239.164
Công ty TNHH SPORTS TURF SOLUTIONS (Singapore)		3.169.215
Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Công Đỉnh	1.890.007	1.890.007

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý I năm 2014***(tiếp theo)*

<i>Doanh nghiệp tư nhân Đức Hùng</i>	1.509.569	1.509.569
<i>Công Ty TNHH TM Thể Thao Trường Giang</i>		7
<i>Công ty TNHH phân phối golf Việt Nam</i>		6
<i>Tạp chí Tài chính</i>	3.300.000	
Tổng cộng	2.917.553.962	2.548.939.310

2.5 Người mua trả tiền trước

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trịnh Văn Thế	110.000.000	110.000.000
Trần Xuân Hùng	110.000.000	110.000.000
Nguyễn Anh Minh	110.750.000	
Công ty TNHH Đầu tư thương mại & dịch vụ Phú Hà	55.000.000	55.000.000
Công ty cổ phần golf Việt Nam	1.575.000	
Công ty CP xây dựng & ĐTPNT miền Tây	1.028.800	
Trung tâm thẻ - Vietinbank	360.000.000	
Các đối tượng khác	59.678.801	43.153.051
<i>Khách của phòng kinh doanh</i>	<i>10.080.000</i>	<i>10.080.000</i>
<i>Khách của phòng kinh doanh</i>	<i>840.750</i>	<i>2.000</i>
<i>Nguyễn Tiến Dũng</i>	<i>720.000</i>	<i>720.000</i>
<i>Lê Trung Kiên</i>	<i>720.000</i>	<i>720.000</i>
VĂN PHÒNG TỈNH ỦY NINH BÌNH	9.201.051	9.201.051
<i>Hội golf tỉnh Ninh Bình</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
<i>Bùi Gia Huấn</i>	<i>15.687.000</i>	
<i>Đối tượng khác</i>	<i>17.430.000</i>	<i>17.430.000</i>
Tổng cộng	808.032.601	318.153.051

2.6 Doanh thu chưa thực hiện

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Doanh thu bán thẻ Golf	85.362.873.423	86.056.649.694
Tổng cộng	85.362.873.423	86.056.649.694

2.7 Chi phí bán hàng

	Quý I/2014	Quý I/2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên	232.851.149	364.732.735
Chi phí vật liệu, bao bì	37.763.800	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	203.930.912	6.971.460
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.062.212	202.588.164
Hoa hồng bán hàng	57.675.069	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	216.007.909	72.556.567

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

(tiếp theo)

Chi phí bằng tiền khác	16.547.000	91.318.946
Tổng cộng	808.838.051	738.167.872

2.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I/2014 VND	Quý I/2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.027.201.275	1.376.230.402
Chi phí vật liệu quản lý	308.287.533	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	136.780.710	52.380.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	168.619.509	95.477.347
Thuế, phí và lệ phí	4.298.000	-
Lợi thế thương mại	427.083.333	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.903.257	182.390.309
Chi phí khác bằng tiền	371.824.928	839.564.408
Tổng cộng	2.572.998.545	2.546.042.732

2.9 Thu nhập khác

	Quý I/2014 VND	Quý I/2013 VND
Công nợ không phải trả và xử lý chênh lệch công nợ	232.113	102.038
Thu tiền bồi thường của khách		2.600.000
Thu nhập khác		10.502.040
Tổng cộng	232.113	13.204.078

2.10 Chi phí khác

	Quý I/2014 VND	Quý I/2013 VND
Xử lý chênh lệch công nợ	110.245	300
Tổng cộng	110.245	300

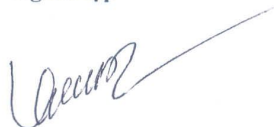
3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam và số liệu Báo cáo tài chính quý I năm 2013.

Ninh Bình, ngày 10 tháng 04 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Người lập



Trịnh Văn Việt

Kê toán trưởng



Nguyễn Quang Huy

Tổng Giám đốc



Đào Phong Trúc Đại